UBND HUYỆN CHƯ PĂH Biểu số 84/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện)

ĐVT: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Chia ra	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	**578.606.000**	**483.182.942**	**95.423.058**
A	**CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN**	**514.703.000**	**419.520.942**	**95.182.058**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**143.308.000**	**143.308.000**	**0**
1	Chi đầu tư cho các dự án	141.308.000	141.308.000	
	Trong đó chia theo lĩnh vực:			
-	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*	10.882.000	10.882.000	
-	*Chi khoa học và công nghệ*		-	
	Trong đó chia theo nguồn vốn:			
-	*Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất*	80.347.000	80.347.000	
-	*Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết*			
2	Chi đầu tư phát triển khác	2.000.000	2.000.000	
II	**Chi thường xuyên**	**362.700.000**	**269.024.250**	**93.675.750**
	Trong đó:			
1	*Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề*			
2	*Chi khoa học và công nghệ*			
III	**Dự phòng ngân sách**	**8.695.000**	**7.188.692**	**1.506.308**
IV	**Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương**			
B	**CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU**	**63.903.000**	**63.662.000**	**241.000**
I	**Chi các chương trình mục tiêu quốc gia**	**58.309.000**	**58.309.000**	0
1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	18.700.000	18.700.000	
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	6.012.000	6.012.000	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KTXH vùng ĐB DTTS và miền núi	33.597.000	33.597.000	
II	**Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ**	**5.594.000**	**5.353.000**	**241.000**
1	Kinh phí biên chế giáo viên tăng thêm	4.675.000	4.675.000	
2	Hỗ trợ kinh phí tiểu đội dân quân thường trực	678.000	678.000	
3	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	241.000		241.000
C	**CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU**			